

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HS-ST

Ngày 09-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phương và bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh năm 1985, tại xã C, thành phố Cần Thơ. Nơi thường trú: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ. Nơi ở hiện tại: Khóm V, phường C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu T, không rõ năm sinh (chết) và bà Hứa Thị C, sinh năm 1953; Có vợ là Ngô Thị Mỹ P, sinh năm 1973 và có 01 con là Ngô Văn A, sinh năm 2008.

Tiền án: Ngày 17/7/2024, bị Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (nay là Toà án nhân dân khu vực 13 – An Giang) xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt vào ngày 09/3/2025, chưa xóa án tích; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Trần Thanh P1, sinh năm 1984 (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, khóm V, phường V, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Duy T1, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Ông Đoàn Văn T2, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm X, phường T, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

- Ông Đặng Ngọc Q, sinh năm 1993 (vắng mặt).
- Ông Đoàn Văn M1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, Lê Văn N nảy sinh ý định tìm xe mô tô của người khác để lấy trộm. Khoảng 08 giờ ngày 18/11/2025, N đội nón bảo hiểm trên đầu rồi đi bộ một mình từ nhà theo đường I về hướng phường V. Đến khu vực tổ A, khóm V, phường V, tỉnh An Giang thì N phát hiện xe mô tô biển số 67D1 - 033.32 của Nguyễn Văn M đang đậu trên đường bờ ruộng, không có người trông giữ, N liền đi đến dùng cây đoản mang theo sẵn mở ổ khoá xe, nhưng không được nên N dùng hai tay rút dây điện đầu nối trực tiếp rồi nổ máy xe điều khiển chạy lên đầu đường N thì bị lực lượng Công an phường V cùng người dân phát hiện bắt quả tang N cùng tang vật.

Quá trình điều tra còn xác định: Khoảng 16 giờ ngày 05/11/2025, N đi bộ một mình trên đường I hướng từ phường C đến phường T, tỉnh An Giang thì N phát hiện xe mô tô biển số 67L2 - 7640 của Trần Thanh P1 đang đậu cặp lề đường phía bờ kênh V, không có người trông coi, N đi đến lấy trộm xe mô tô trên rồi điều khiển xe đến nhà của Đoàn Văn T2 tại khu vực khóm X, phường T, tỉnh An Giang. Ngoan nhờ T2 bán dùm xe mô tô vừa trộm cắp được thì T2 đồng ý, N không nói cho T2 biết là xe do N trộm cắp của người khác mà có. Sau đó, T2 điều khiển xe trên đến khu vực phường T bán cho 01 người đàn ông, chưa rõ nhân thân, lai lịch được số tiền 2.300.000 đồng, N cho T2 số tiền 500.000 đồng, còn lại số tiền 1.800.000 đồng, N tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2025, số 05/KL-HĐĐGTS ngày 19/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường V, tỉnh An Giang, kết luận:

- 01 (một) xe mô tô biển số 67D1 - 033.32, màu xanh, nhãn hiệu Honda, loại FUTURE, số máy: JA02E0039987, số khung: 0208YY039981, trị giá 10.000.000 đồng.

- 01 (một) xe mô tô không rõ biển số, màu đỏ, nhãn hiệu Honda, loại Wave ZX, số máy: 5069163, số khung: 036237, trị giá 6.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKSKV13 ngày 10 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lê Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại ông Trần Thanh P1, ông Nguyễn Văn M trình bày phù hợp với lời khai của mình trong giai đoạn điều tra.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên toà nhưng quá trình điều tra đã khai nhận như nội dung cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/11/2025, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại xe mô tô trên và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo N bồi thường gì thêm nên đề nghị không đặt ra xem xét. Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD bên trong chứa dữ liệu ghi nhận hình ảnh bị cáo N lấy trộm tài sản vào ngày 05/11/2025 và 01 (một) đĩa DVD bên trong chứa dữ liệu hỏi cung bị cáo N vào ngày 09/02/2026; Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây mở khoá xe bằng kim loại hình chữ L, 01 đầu nhọn chiều dài 07cm đẹp, 01 đầu hình lục giác, chiều dài 04cm; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, có 01 vạch sơn màu trắng và 01 vạch sơn màu vàng, trên nón có dòng chữ YAMAHA, SƠN NHUNG; 01 (một) nón vải màu đen, trên nón có dòng chữ TIKTOK; 01 (một) cái quần đùi, chất liệu vải, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo màu nâu, chất liệu vải thun, cổ áo có hình trái tim, đã qua sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên toà, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt mặc dù Toà án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Văn N đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra cùng các tài liệu chứng cứ được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Để có tiền tiêu xài, bị cáo N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn M, thời điểm bị cáo lựa chọn để thực hiện hành vi trộm cắp buổi sáng ngày 18/11/2025, tài sản trộm được là xe mô tô biển số 67D1 - 033.32, trị giá 10.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn M. Ngoài ra, trước đó bị cáo đã lấy trộm tài sản của ông Trần Thanh P1, thời điểm bị cáo lựa chọn để thực hiện hành vi trộm cắp buổi chiều ngày 05/11/2025, vắng vẻ, ít người nhằm tránh sự phát hiện, tài sản trộm được là xe mô tô biển số 67L2 - 7640, trị giá 6.000.000 đồng của ông Trần Thanh P1. Tổng 02 lần bị cáo trộm, giá trị tài sản là 16.000.000 đồng, động cơ, mục đích là đem tài sản đã trộm được đi bán để lấy tiền tiêu xài.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn N đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít nghiêm trọng). Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Lê Văn N là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức rõ việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn M trị giá 10.000.000 đồng và lấy trộm tài sản của ông Trần Thanh P1 trị giá 6.000.000 đồng. Tổng 02 lần bị cáo trộm, giá trị tài sản là 16.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, gây nguy hiểm cho xã hội, đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải, những người bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có xem xét giảm một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 17/7/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang), xử phạt 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong

hình phạt ngày 09/3/2025, chưa được xóa án tích nhưng đến ngày 05/11/2025 và ngày 18/11/2025 lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng bị cáo có 01 tiền án về hành vi cùng loại tội. Điều đó thể hiện bị cáo là người rất xem thường pháp luật. Lẽ ra, sau khi chấp hành xong hình phạt của bản án trên bị cáo phải biết hoàn lương, tu tâm, dưỡng tính, tích cực lao động tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân, trở thành người có ích cho xã hội. Nhưng với bản chất tham lam, tư lợi, lười lao động, không lo làm ăn, thích lối sống hưởng thụ nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của các chủ sở hữu tài sản để lén lút lấy trộm tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự tại địa phương và gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Mức hình phạt tù có thời hạn mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hiện điều kiện hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại ông Trần Thanh P1 và ông Nguyễn Văn M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn T2 đã mua lại xe mô tô biển số 67L2 - 7640 do bị cáo N trộm với giá 4.000.000 đồng và giao nộp cho Cơ quan điều tra, ông T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền mua xe mô tô này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) đĩa DVD bên trong chứa dữ liệu ghi nhận hình ảnh bị cáo N lấy trộm tài sản vào ngày 05/11/2025 và 01 (một) đĩa DVD bên trong chứa dữ liệu hỏi cung bị cáo N vào ngày 09/02/2026 là đồ vật, tài liệu dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) cây mở khoá xe bằng kim loại hình chữ L, 01 đầu nhọn chiều dài 07cm dẹp, 01 đầu hình lục giác, chiều dài 04cm; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, có 01 vạch sơn màu trắng và 01 vạch sơn màu vàng, trên nón có dòng chữ YAMAHA, SON NHUNG; 01 (một) nón vải màu đen, trên nón có dòng chữ TIKTOK; 01 (một) cái quần đùi, chất liệu vải, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo màu nâu, chất liệu vải thun, cổ áo có hình trái tim, đã qua

sử dụng. Đây là công cụ và trang phục mà bị cáo dùng vào việc phạm tội và đồ vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với Đoàn Văn T2 mang xe mô tô biển số 67L2 - 7640 do bị cáo Lê Văn N lấy trộm mà có đem bán cho người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch), T2 không biết tài sản do bị cáo N trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T2 là có căn cứ.

[8] Đối với người đàn ông (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mua xe mô tô biển số 67L2 - 7640 do T2 bán, hiện chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A sẽ tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[9] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Lê Văn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/11/2025).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) đĩa DVD bên trong chứa dữ liệu ghi nhận hình ảnh bị cáo N lấy trộm tài sản vào ngày 05/11/2025 và 01 (một) đĩa DVD bên trong chứa dữ liệu hỏi cung bị cáo N vào ngày 09/02/2026.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây mở khoá xe bằng kim loại hình chữ L, 01 đầu nhọn chiều dài 07cm đẹp, 01 đầu hình lục giác, chiều dài 04cm; 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh, có 01 vạch sơn màu trắng và 01 vạch sơn màu vàng, trên nón có dòng chữ YAMAHA, SƠN NHUNG; 01 (một) nón vải màu đen, trên nón có dòng chữ TIKTOK; 01 (một) cái quần đùi, chất liệu vải, màu xanh, đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo màu nâu, chất liệu vải thun, cổ áo có hình trái tim, đã qua sử dụng. Đặc điểm vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh A với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13 – An Giang;
- Phân trại tạm giam Châu Đốc thuộc - Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh An Giang;
- Người tham gia tố tụng trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Cẩm Xuyên